

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 631/2024/DS-PT

Ngày 18 - 12 - 2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Ông Võ Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 548/2024/TLPT-DS ngày 14/11/2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 321/2024/DS-ST ngày 26/09/2024 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 557/2024/QĐ-PT ngày 06/11/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Duy T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: C P, khu phố B, phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Phan Thị Ngọc N, sinh năm 1985 (có mặt).

(Giấy ủy quyền ngày 09/12/2024).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị Trúc L, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: D N, khu phố G, phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Võ Trọng K Đoàn luật sư thành phố H (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn Bùi Thị Trúc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào năm 2021 đến năm 2022 chị T có cho chị L vay làm nhiều lần với số tiền là 1.200.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 04/12/2021 (AL) nhằm ngày 06/01/2022 dương lịch vay số tiền 300.000.000 đồng.

Ngày 13/01/2022 (AL) nhằm ngày 13/02/2022 dương lịch vay số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 25/02/2022 dương lịch vay số tiền 800.000.000 đồng.

Khi vay thoả thuận lãi suất 03%/tháng, nhưng chị L không có trách nhiệm trả lãi cho chị T đồng thời cũng không có thanh toán nợ gốc cho chị T. Do chị L vi phạm thoả thuận gây thiệt hại cho chị T nên chị T yêu cầu chị L có trách nhiệm trả cho chị T số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1.66%/tháng đến khi trả xong nợ, tính đến ngày xét xử là 622.500.000 đồng. Yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp áp dụng khẩn cấp tạm thời phong toả tài khoản ngân hàng.

Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Do quen biết nên trước đó chị L có mua của chị T 03 dây hui với số tiền là 340.200.000 đồng (chị L đã nhận tiền bằng hình thức chuyển khoản), chị L phải đóng lại số tiền là 450.000.000 đồng nhưng chị đóng một số còn lại 300.000.000 đồng chị không đóng nốt nên chị T yêu cầu chị phải ghi giấy mượn tiền ngày 04/12/2021 (al) với mục đích để chị phụ tiền lãi cho chị T.

Ngày 13/01/2022 (al) chị mượn của chị T số tiền là 100.000.000 đồng (chị có ghi biên nhận chung với biên nhận ghi ngày 04/12/2021 (al)).

Vào ngày nào chị không nhớ nhưng khoảng tháng 6/2022 chị tiếp tục mượn của chị T 250.000.000 đồng tiền mặt.

Sau đó chị T yêu cầu chị phải ghi tổng số tiền hui chuyển sang là 300.000.000 đồng và tiền vay 02 lần là 350.000.000 đồng cộng tiền lãi chị chưa đóng là 150.000.000 đồng thành số tiền tổng cộng là 800.000.000 đồng. Chị đồng ý và ghi biên nhận ở nhà sau đó đem đến cho chị T, chị không ghi ngày nhưng chị T ghi ngày là 25/02/2022 là không đúng.

Lãi suất thoả thuận giữa hai bên là 10%/tháng, chị có đóng lãi cả bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt (chuyển khoản tổng cộng lãi là 210.000.000 đồng) còn tiền mặt chị không nhớ đã đóng bao nhiêu cũng không có gì chứng minh.

Do sơ suất và tin tưởng nên chị L không có lấy lại những giấy nợ trước

nên hiện nay chị T kiện số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng chị L không đồng ý, chị L chỉ đồng ý trả chị T 800.000.000 đồng vốn gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật 1.66%/tháng.

Tại biên bản đối chất, chị L cho rằng trong số tiền 300.000.000 đồng mà chị xác định là tiền hui thì chỉ có một phần tiền hui, còn lại tiền mượn, chị không xác định rõ tiền hui là bao nhiêu và tiền mượn là bao nhiêu.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị L có điện thoại cho chị T để xin trả số tiền 1.700.000.000 đồng với điều kiện chị T phải rút đơn khởi kiện để chị không phải đóng tiền án phí và cho trả từ từ nhưng chị T không đồng ý.

Bản án dân sự sơ thẩm số 321/2024/DS-ST ngày 26/09/2024 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Duy T.

Buộc chị Bùi Thị Trúc L có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Duy T số tiền là 1.822.500.000 đồng trong đó tiền gốc là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi là 622.500.000 đồng, thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 13/2024/QĐ-KCTT ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố G về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/9/2024, chị Bùi Thị Trúc L có đơn kháng cáo yêu cầu: xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu: Về số tiền mượn, đại diện nguyên đơn xác định không còn giao dịch nào khác. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn không trình bày được các giao dịch theo nội dung đối chất. Theo Biên bản đối chất ngày 19/9/2024, tổng số tiền nguyên đơn chuyển khoản cho bị đơn số tiền 890.000.000 đồng nhưng không làm rõ số tiền chuyển khoản này và không có tài liệu trong hồ sơ vụ án về nội dung này. Chị L chứng minh đã trả được số tiền 680.000.000 đồng qua chuyển khoản và trả bằng tiền mặt. Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, nghĩa vụ chứng minh thuộc về nguyên đơn. Bản án sơ thẩm không xem xét tổng số tiền chị T chuyển khoản cho chị L và số tiền chị L chuyển khoản trả cho chị T. Theo Biên bản đối chất ngày 19/9/2024, từ mục số 22 đến 27, chị L có chuyển khoản cho chị T tổng cộng 210.000.000 đồng tiền nợ hui và lãi. Chị T cho rằng trả cho các khoản vay ngày 02/8/2021, 01/9/2021 và 08/11/2021 nhưng không có chứng cứ chứng minh những ngày này có cho bị đơn vay nợ. Tòa án cấp sơ thẩm chưa đối chiếu làm rõ các giao dịch chuyển khoản nêu trên nhưng dựa vào 03 biên nhận để buộc bị đơn trả tiền cho nguyên đơn là thiệt thòi cho quyền lợi của các đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá khách quan toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và áp dụng lãi suất không đúng quy định của

Bộ luật dân sự. Phía nguyên đơn cho rằng cho vay với mức lãi suất 3%/tháng, bị đơn xác định đã trả lãi 10%/tháng nên có tranh chấp về lãi suất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc trả lãi 20%/năm là không phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện các chứng cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố G xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L thừa nhận có điện thoại cho chị T xin trả vốn và lãi tổng cộng là 1.700.000.000 đồng khi Tòa án thụ lý vụ án. Các biên nhận là chứng cứ khởi kiện của nguyên đơn đều do chị L viết và ký tên. Tại phiên tòa, chị L không xác định được số tiền hui và tiền vay trong biên nhận mượn 300.000.000 đồng vào ngày 04/12/2021 al, trong khi đó, nguyên đơn xác định số tiền này là tiền vay. Về lãi suất, bị đơn thống nhất trả cho nguyên đơn theo mức lãi suất 1,66%/tháng nên đề nghị tính lại lãi là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên đơn kháng cáo được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” là chính xác với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các tranh chấp được Bộ luật Dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Bùi Thị Trúc L.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án bị đơn thống nhất, ba biên nhận làm căn cứ khởi kiện của nguyên đơn đều do chị viết và ký tên gồm:

Biên nhận ngày 04/12/2021 (AL) nhằm ngày 06/01/2022: số tiền vay 300.000.000 đồng.

Biên nhận ngày 13/01/2022 (AL) nhằm ngày 13/02/2022: số tiền vay 100.000.000 đồng.

Biên nhận ngày 25/02/2022 dương lịch: số tiền vay 800.000.000 đồng.

Chị L cho rằng, số tiền 800.000.000 đồng tại biên nhận do chị T đề ngày

25/02/2022, là số tiền tổng kết nợ vay trước đây, bao gồm cả số tiền mượn theo hai biên nhận ngày 04/12/2021 (AL) và 13/01/2022 (AL). Thực tế chị không nhận tiền mặt một lần số tiền này như chị T trình bày. Biên nhận 800.000.000 đồng do chị viết vào khoảng tháng 6/2022, không phải ngày 25/02/2022 như chị T ghi. Vì vậy, chị chỉ đồng ý trả 800.000.000 tiền vốn.

Mặc dù, theo tài liệu sao kê tại Ngân hàng S (bút lục 125-158), có các giao dịch chị L chuyển tiền vào tài khoản của chị T vào thời gian trước và sau thời gian ghi trên ba biên nhận nêu trên nhưng nội dung chuyển khoản không thể hiện chị L chuyển trả cho ba khoản vay ngày 04/12/2021 (AL), ngày 13/01/2022 (AL) và ngày 25/02/2022. Trong khi đó, ngoài các giao dịch chị T đang khởi kiện, chị L thừa nhận, chị còn có các giao dịch vay tiền khác với chị T. Sự thừa nhận của chị L phù hợp với các giao dịch chuyển khoản từ chị T cho chị L theo tài liệu sao kê tại Ngân hàng S, trong đó có các ngày 02/8/2021, 01/9/2021 và 08/11/2021. Do đó, đối với các giao dịch chuyển khoản nói trên, các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nhận thấy, nội dung biên nhận ngày 25/02/2022 do chị L viết không có nội dung tổng kết nợ như chị L trình bày cũng không có liên quan đến các giao dịch chuyển khoản nói trên và chị T không thừa nhận. Do đó, chị L chỉ đồng ý trả 800.000.000 đồng tiền vốn là không có căn cứ.

Về việc tính lãi của Tòa án cấp sơ thẩm: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L đồng ý trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị trả vốn và lãi theo yêu cầu của chị T là có căn cứ. Đồng thời phù hợp với sự thừa nhận của chị L tại phiên tòa về việc chị có điện thoại cho chị T đồng ý trả số tiền vốn và lãi là 1.700.000.000 đồng để chị T rút yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khi Tòa án thụ vụ án.

Từ phân tích trên, có đủ cơ sở xác định, chị L còn nợ chị T 1.200.000.000 đồng theo ba biên nhận ngày 04/12/2021 (AL), ngày 13/01/2022 (AL) và ngày 25/02/2022. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị L trả số tiền vốn và lãi cho chị Tuyên T1 từ tháng 2/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là có căn cứ.

Chị L kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 321/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của chị L không được chấp nhận nên chị phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bùi Thị Trúc L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 321/2024/DS-ST ngày 26/09/2024 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Duy T.

Buộc chị Bùi Thị Trúc L có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Duy T số tiền là 1.822.500.000 đồng trong đó tiền gốc là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi là 622.500.000 đồng, thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 13/2024/QĐ-KCTT ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố G về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bùi Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000935 ngày 30/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

3.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Bùi Thị Trúc L phải chịu 66.675.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho chị Nguyễn Thị Duy T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.366.640 đồng theo biên lai thu tiền số 0000906 ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND Tp.G;
 - CCTHADS Tp.G;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2024-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Phương